

Số: 585 /TB-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2026

## **THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**

### **Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Quyết định số 182 /QĐ-SNZ-NS ngày 29/7/2026 về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp như sau:

### **Trường hợp bổ nhiệm:**

- Ông Trần Anh Dũng.
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Người đại diện phần vốn Sonadezi – Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.
- Chức vụ được bổ nhiệm: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Thời hạn bổ nhiệm: 05 năm và theo nhiệm kỳ 2026-2031 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 01/8/2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi vào ngày 29/7/2026 tại đường dẫn: <http://sonadezi.com.vn/quan-he-co-dong/>

Trân trọng.

### **Tài liệu đính kèm**

- Quyết định số 182/QĐ-SNZ-NS ngày 29/7/2026 ;
- Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Phạm Trần Hòa Hiệp**

Số: 182 /QĐ-SNZ-NS

Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc**  
**Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN**

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ Quy chế bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý và cử người đại phần vốn ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-SNZ-NS ngày 13/10/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Công văn số 286-CV/ĐU ngày 22/7/2026 của Đảng ủy Tổng công ty;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BB-SNZ-HĐQT ngày 28/7/2026;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm ông Trần Anh Dũng, Người đại diện phần vốn Sonadezi – Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

**Điều 2.** Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm và theo nhiệm kỳ 2026 – 2031 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Trường hợp hết thời hạn giữ chức vụ mà chưa có quyết định mới thì ông Trần Anh Dũng vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao đến khi có quyết định mới.

**Điều 3.** Ông Trần Anh Dũng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc theo đúng pháp luật Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2026.

**Điều 5.** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, các đơn vị, cá nhân có liên quan và ông Trần Anh Dũng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Đảng ủy TCT (b/c);
- Các Ban/VP;
- Lưu: VT, NS<sup>Hân</sup>.

*[Chữ ký]*



*Lương Đình Hiệp*

**Phụ lục III  
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CURRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*  
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

*Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2026  
Dong Nai, day 29<sup>th</sup> month 7 year 2026*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULLUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/Full name: Trần Anh Dũng/ Tran Anh Dung

2/ Giới tính/Sex: Nam /Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 28/04/1971

4/ Nơi sinh/Place of birth: Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh/ Duc Hoa Commune, Tay Ninh Province.

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): . Ngày cấp/Date of issue  
Nơi cấp/Place of issue: Bộ Công An/ Ministry of Public Security

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh/Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email: dungta@sonadezi-sdv.com.vn

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp/ Sonadezi Corporation

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an institution subject to information disclosure Rules: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp/ Vice General Director of Sonadezi Corporation.

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in others companies:*

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi / *Member of the Board of Directors and General Director of Sonadezi Service Joint Stock Company;*
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai/ *Chairman of the Board of Directors of Dong Nai Construction Joint Stock Company;*
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi / *Chairman of the Board of Directors of Sonadezi Environment Joint Stock Company.*

14/ Số CP nắm giữ tại Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:*Number of shares in possession 0 shares, accounting for 0.% of registered capital, of which:*

+ Đại diện tổ chức sở hữu:*Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution): 0 CP / 0 Shares*

+ Cá nhân sở hữu/ *Possess for own account: 0 CP / 0 Shares*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):* Không / *No*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant:*

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

*Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.*

| Stt No. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Name                                                              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CCCD/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents( ID/Passport/ Business Registration Certificate) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                       | 3                                                                        | 4                                                                                   | 5                                                                   | 6                                                                                        | 7                                                                                                                     | 8                        | 9                      | 10                     | 11                                                                  | 12                                                                         | 13                                                                                 | 14                                                                                                                             | 15                                                                                                                                     | 16                                                                                                                        | 17                                                                                                                     |
| 1       | SNZ                     | Trần Anh Dũng / <i>Tran Anh Dung</i>                                     |                                                                                     | Phó Tổng Giám đốc / Vice General Manager                            |                                                                                          |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        | Bổ nhiệm/ Appointed                                                                                                       |                                                                                                                        |
| 2       |                         | Lê Liên Hồng/ <i>Le Lien Hong</i>                                        |                                                                                     |                                                                     | Mẹ vợ / Mother-in-law                                                                    |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 3       |                         | Lê Liên Xuân/ <i>Le Lien Xuan</i>                                        |                                                                                     |                                                                     | Vợ / Wife                                                                                |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 4       |                         | Trần Đăng Huy/ <i>Tran Dang Huy</i>                                      |                                                                                     |                                                                     | Con trai/ Child                                                                          |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 5       |                         | Trần Lê Ngọc Minh / <i>Tran Le Ngoc Minh</i>                             |                                                                                     |                                                                     | Con gái/ Child                                                                           |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 6       |                         | Trần Thị Phương Dung / <i>Tran Thi Phuong Dung</i>                       |                                                                                     |                                                                     | Chị gái/ Older sister                                                                    |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 7       |                         | Trần Anh Kiệt/ <i>Tran Anh Kiet</i>                                      |                                                                                     |                                                                     | Anh trai / Older brother                                                                 |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 8       |                         | Trần Anh Tuấn/ <i>Tran Anh Tuan</i>                                      |                                                                                     |                                                                     | Anh trai/ Older brother                                                                  |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 9       |                         | Trần Thị Hồng Hạnh/ <i>Tran Thi Hong Hanh</i>                            |                                                                                     |                                                                     | Em gái/ Younger sister                                                                   |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 10      |                         | Trần Hồng Phúc/ <i>Tran Hong Phuc</i>                                    |                                                                                     |                                                                     | Em trai/ Younger brother                                                                 |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 11      |                         | Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi / Sonadezi Services Joint Stock Company |                                                                                     |                                                                     | Tổ chức có liên quan / Related organization                                              |                                                                                                                       |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ Member of the Board of Directors,                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Securi<br>ties<br>symbol | Họ tên<br>Name                                                                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có)<br>Securities<br>trading<br>accounts (if<br>available) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position<br>at the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationshi<br>p with the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CCCD/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents(<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp Date<br>of issue | Nơi cấp Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address / Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percent<br>age of<br>shares<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>của công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person became<br>an affiliated<br>person/<br>internal person | Thời điểm<br>không còn<br>là người<br>có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội<br>bộ Time<br>the person<br>ceased to<br>be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13 và<br>14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and<br>14) | Ghi chú (về việc<br>không có số<br>Giấy NSH và<br>các ghi chú<br>khác) Notes (i.e.<br>not in possession<br>of a NSH No.<br>and other notes) |
|------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                           |                                                                                                       |                                                                                                                  |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                     | General<br>Director                                                                                                                         |
| 12         |                                      | Công ty CP<br>Xây dựng<br>Đồng Nai/<br>Dong Nai<br>Construction<br>Joint Stock<br>Company  |                                                                                                             |                                                                                    | Tổ chức<br>có liên<br>quan/<br>Related<br>organizat<br>ion                                                           |                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                           | 0                                                                                                     | 0                                                                                                                |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                     | Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Chairman                                                                                                               |
| 13         |                                      | Công ty CP<br>Môi trường<br>Sonadezi/<br>Sonadezi<br>Environment<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                             |                                                                                    | Tổ chức<br>có liên<br>quan/<br>Related<br>organizat<br>ion                                                           |                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                           | 0                                                                                                     | 0                                                                                                                |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                     | Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Chairman                                                                                                               |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): không/No*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): không/No*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature, full name)*



---

**Trần Anh Dũng**